

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đào Thị Ngọc Thủy
Giảng viên hướng dẫn : Th.s Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHÍ PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH NGỌC KHUÊ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đào Thị Ngọc Thủy
Giảng viên hướng dẫn : Th.s Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đào Thị Ngọc Thủy

Mã SV: 1212401107

Lớp: QT1602K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê.
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp.
 - Hệ thống kế toán liên quan đến công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, sử dụng số liệu năm 2015.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
 - Địa chỉ: Xóm 9, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Phạm Văn Tường**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: **Khóa luận tốt nghiệp**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
 - Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
 - Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
 - Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.
- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
 - Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
 - Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH máy tính Ngọc Khuê.
 - Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.
- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**
 - Điểm số:.....
 - Điểm chữ:.....

Hải Phòng, ngày 06 tháng 7 năm 2016
Cán bộ hướng dẫn

Ths. Phạm Văn Tường

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Chương I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1. Những vấn đề chung về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.1. Khái quát về doanh thu	2
1.1.2. Khái quát về chi phí.	4
1.1.3. Kết quả kinh doanh:	6
1.2. Nội dung công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	7
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	7
1.2.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng	7
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	7
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	8
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	9
1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho	9
1.2.2.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng	9
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng	9
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	11
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	11
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	11
1.2.3.2. Quy trình hạch toán	12
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	13
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	13
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	13
1.2.4.3. Quy trình hạch toán	13
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	15
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	15
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	15
1.2.5.3. Quy trình hạch toán	16
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	17

1.2.6.1.	Chứng từ sử dụng	17
1.2.6.2.	Tài khoản sử dụng	18
1.2.1.4.	Quy trình hạch toán	19
1.3.	Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	20
1.3.1.	Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	20
1.3.2.	Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.	21
1.4.	Vận dụng ghi sổ kế toán theo các hình thức kế toán	21
1.4.1.	Hình thức Nhật ký chung.	22
1.4.2.	Hình thức Nhật ký – Sổ cái	23
1.4.4.	Hình thức kế toán trên máy vi tính.	23
Chương II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH NGỌC KHUÊ.		25
2.1.	Khái quát chung về công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê	25
2.1.1.	Quá trình hình thành và phát triển	25
2.1.2.	Ngành nghề kinh doanh:	25
2.1.3.	Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty	26
2.1.3.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý ở Công ty:	26
2.1.3.2:	Tổ chức công tác kế toán ở Công ty:	28
2.1.3.2.1:	Tổ chức bộ máy kế toán ở Công ty:	28
2.1.3.2.2:	Chế độ và các chính sách kế toán tại công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê:	29
2.2.	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH máy tính Ngọc Khuê.	31
2.2.1.	Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê.	31
2.2.1.1.	Chứng từ sử dụng:	31
2.2.1.2.	Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng	32
2.2.2.	Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	39
2.2.3.	Kế toán giá vốn hàng bán.	39
2.2.3.1.	Đặc điểm giá vốn hàng bán.	39
2.2.3.2.	Chứng từ kế toán sử dụng.	39
2.2.3.3.	Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.	39

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	46
2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.	46
2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.....	46
2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	52
2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	52
2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	52
2.2.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	56
2.2.7.1. Kế toán thu nhập khác.....	56
2.2.7.1. Kế toán chi phí khác.....	56
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	61
2.2.7.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	61
2.2.7.2: Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.	61
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP NHẪM XÁC ĐỊNH CHÍNH XÁC KẾT QUẢ	
TỪNG HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH NGỌC KHUÊ	70
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê.....	70
3.1.1. Kết quả đạt được :	70
3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán :.....	70
3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh...	71
3.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê.	72
3.3. Một số giải pháp nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê.....	72
3.3.1. Giải pháp 1: Tiến hàng mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.	72
3.3.2. Giải pháp 2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.	76
1.3.3. Giải pháp 3: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:.....	78
1.3.4. Giải pháp 4: Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.....	79
KẾT LUẬN	80
TÀI LIỆU THAM KHẢO	81

LỜI MỞ ĐẦU

Kế toán là một trong những thực tiễn quan trọng nhất trong quản lý kinh tế. Mỗi nhà đầu tư hay một cơ sở kinh doanh cần phải dựa vào công tác kế toán để biết tình hình và kết quả kinh doanh.

Hiện nay nước ta đang trong quá trình chuyển đổi kinh tế mạnh mẽ sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Công tác quản lý kinh tế đang đứng trước yêu cầu và nội dung quản lý có tính chất mới mẻ, đa dạng và không ít phức tạp. Là một công cụ thu thập xử lý và cung cấp thông tin về các hoạt động kinh tế cho nhiều đối tượng khác nhau bên trong cũng như bên ngoài doanh nghiệp nên công tác kế toán cũng trải qua những cải biến sâu sắc, phù hợp với thực trạng nền kinh tế. Việc thực hiện tốt hay không tốt đều ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý.

Công tác kế toán ở công ty có nhiều khâu, nhiều phân hành, giữa chúng có mối liên hệ, gắn bó với nhau tạo thành một hệ thống quản lý có hiệu quả. Mặt khác, tổ chức công tác kế toán khoa học và hợp lý là một trong những cơ sở quan trọng trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Qua quá trình học tập môn kế toán doanh nghiệp sản xuất và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, đồng thời được sự giúp đỡ tận tình của thầy cô giáo cũng như các anh chị kế toán của Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê. Em đã chọn đề tài : **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê”**

Đề tài gồm 3 nội dung chính:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê.

Chương 3: Các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê.

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Chương I:

**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

**1.1. Những vấn đề chung về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh
trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

1.1.1. Khái quát về doanh thu

a. Khái niệm:

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

b. Các loại doanh thu.

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thu ngoài giá bán (nếu có)

Theo chuẩn mực kế toán số 14 doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

+ Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

Các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp và thuế xuất nhập khẩu. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- *Chiết khấu thương mại* là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- *Hàng bán bị trả lại* là số sản phẩm hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- *Giảm giá hàng bán* là khoản tiền doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng.

- *Thuế GTGT phải nộp (Theo phương pháp trực tiếp)*: Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp chưa tính thuế GTGT sẽ xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- *Thuế TTĐB*: là khoản thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đáng vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

+ Doanh thu thuần:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Doanh thu hoạt động tài chính:

Là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại, bao gồm: tiền lãi, cổ tức được hưởng, lợi nhuận chia từ hoạt động liên quan, liên kết, lãi chuyển nhượng vốn, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và các khoản khác

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận trên cơ sở:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- + Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
- + Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

+ Thu nhập khác:

Thu nhập khác là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp như các khoản nhận được khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Các khoản thu khác

1.1.2. Khái quát về chi phí.

a. Khái niệm

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

b. Các loại chi phí

❖ *Giá vốn hàng bán:*

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

- Đối với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

❖ *Chi phí quản lý kinh doanh:* là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

❖ *Chi phí hoạt động tài chính:* Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

❖ *Chi phí khác:* là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Nội dung chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.

- Các khoản chi phí khác

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:*

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.3. Kết quả kinh doanh:

Kết quả sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn hàng bán} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận thuần} \\ \text{từ hoạt động kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp} \\ \text{về bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch} \\ \text{vụ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh} \\ \text{thu hoạt} \\ \text{động tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{kinh} \\ \text{doanh} \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động tài chính* là chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí tài chính} \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động khác* là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

+ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác

+ *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{l} \text{Thuế thu nhập doanh} \\ \text{nghiệp phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng lợi nhuận kế toán} \\ \text{trước thuế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế thu} \\ \text{nhập doanh nghiệp} \end{array}$$

+ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau thuế thu} \\ \text{nhập doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng lợi nhuận kế toán} \\ \text{trước thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

1.2. Nội dung công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ, sổ sách kế toán như sau:

- Hóa đơn bán hàng thông thường, Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, Ủy nhiệm thu, Giấy báo Có của ngân hàng).
- Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại,...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 6 TK cấp 2:*

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng.
- TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- TK 5118 – Doanh thu khác.

Kết cấu tài khoản 511:

Nợ	TK511	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. • Các khoản CKTM, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. • Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, lao vụ phát sinh trong kỳ hạch toán.	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

TK 511 không có số dư

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ *TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3TK cấp 2 gồm:*

- TK 5211 - Chiết khấu thương mại
- TK 5212 - Hàng bán bị trả lại
- TK 5213 - Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521:

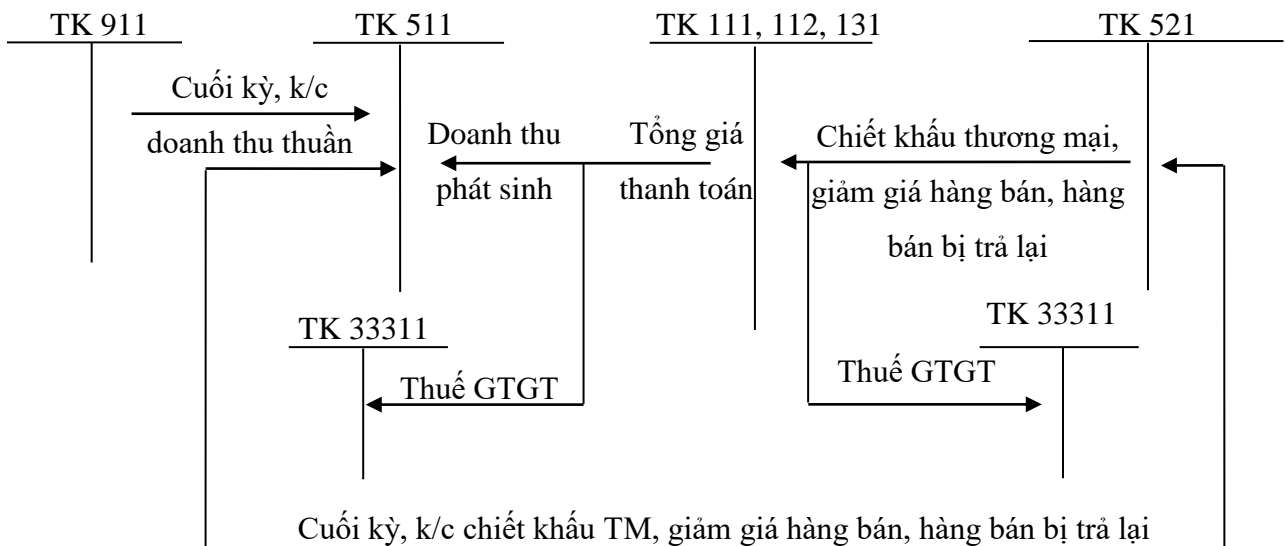
Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho KH. • Trị giá hàng bán trả lại. • Khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng hưởng. 		<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, trị giá hàng bán trả lại sang TK 511 để xác định DT thuần.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 521 không có số dư

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

➤ Phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

➤ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sau sản xuất thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô nhập ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

➤ Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).

LIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

➤ Phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

1.2.2.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT.
- Phiếu xuất kho.

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Đối với nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản: **TK 632 – Giá vốn hàng bán.**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản: **TK 631 – Giá thành sản xuất**

TK 632 – Giá vốn hàng bán.

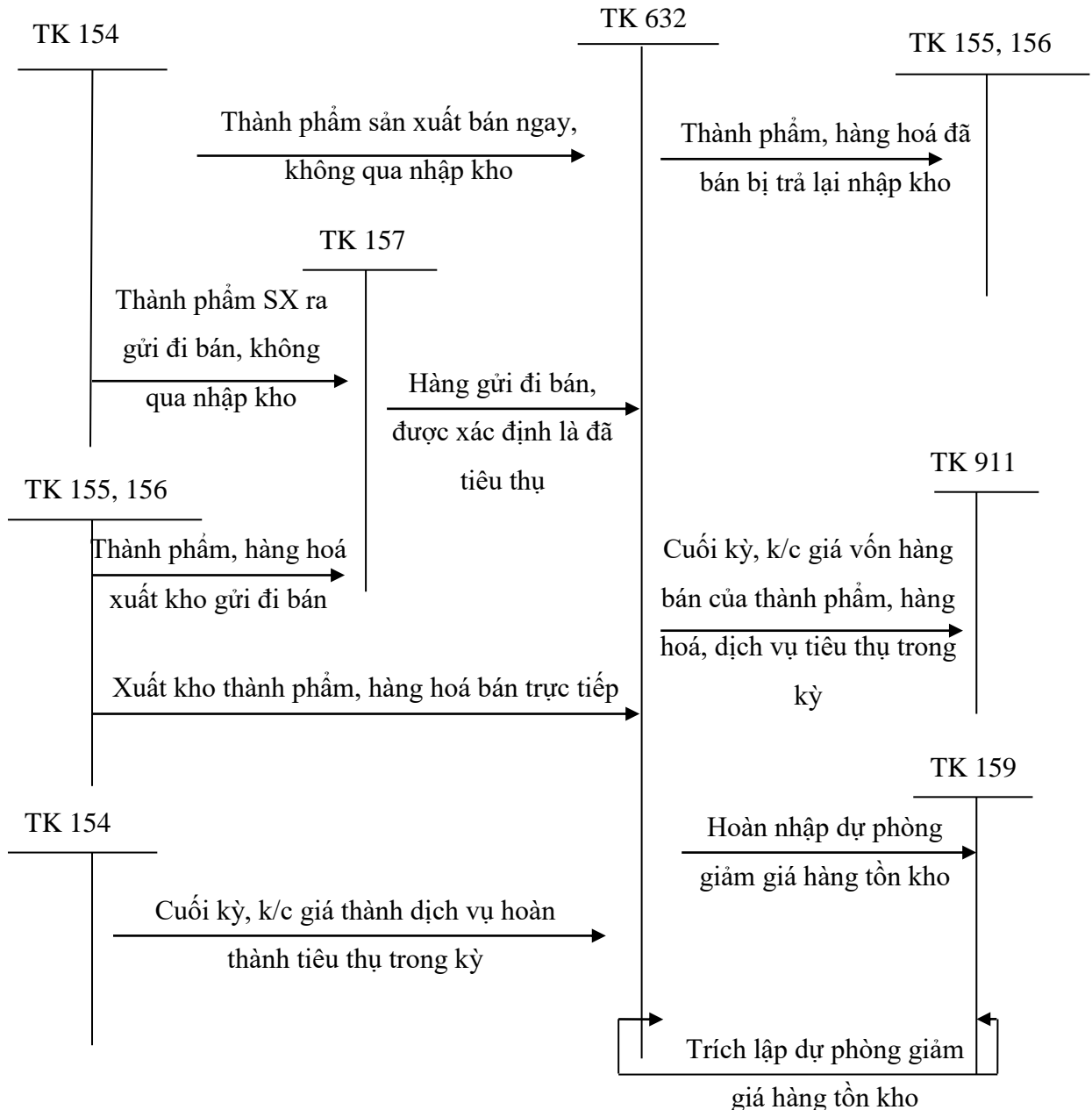
Kết cấu tài khoản 632:

Nợ	TK632	Có
<ul style="list-style-type: none"> Phản ánh giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> K/c giá vốn hàng bán bị trả lại. Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. K/c giá vốn hàng bán vào TK 911. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 632 không có số dư

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán.

Theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy bảo nợ.
- Các chứng từ liên quan khác.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh, tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

- TK6421 “ Chi phí bán hàng”
- TK6422 “ Chi phí quản lý kinh doanh”

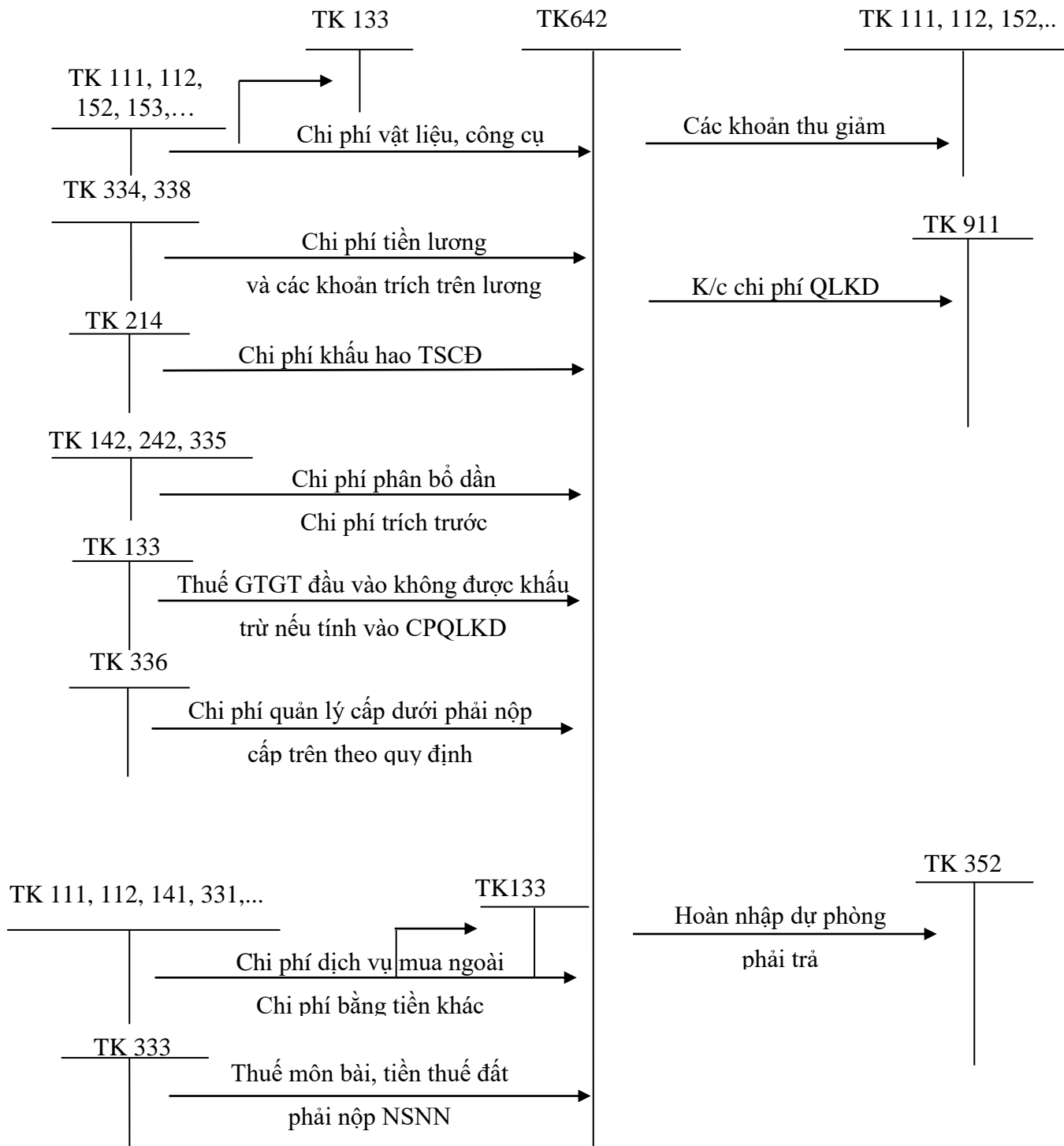
Kết cấu tài khoản 642:

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 642 không có số dư

1.2.3.2. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy bảo lãi, giấy báo có của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính**

Kết cấu tài khoản 515:

Nợ	TK515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, lãi tỷ giá...
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 515 không có số dư

- **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

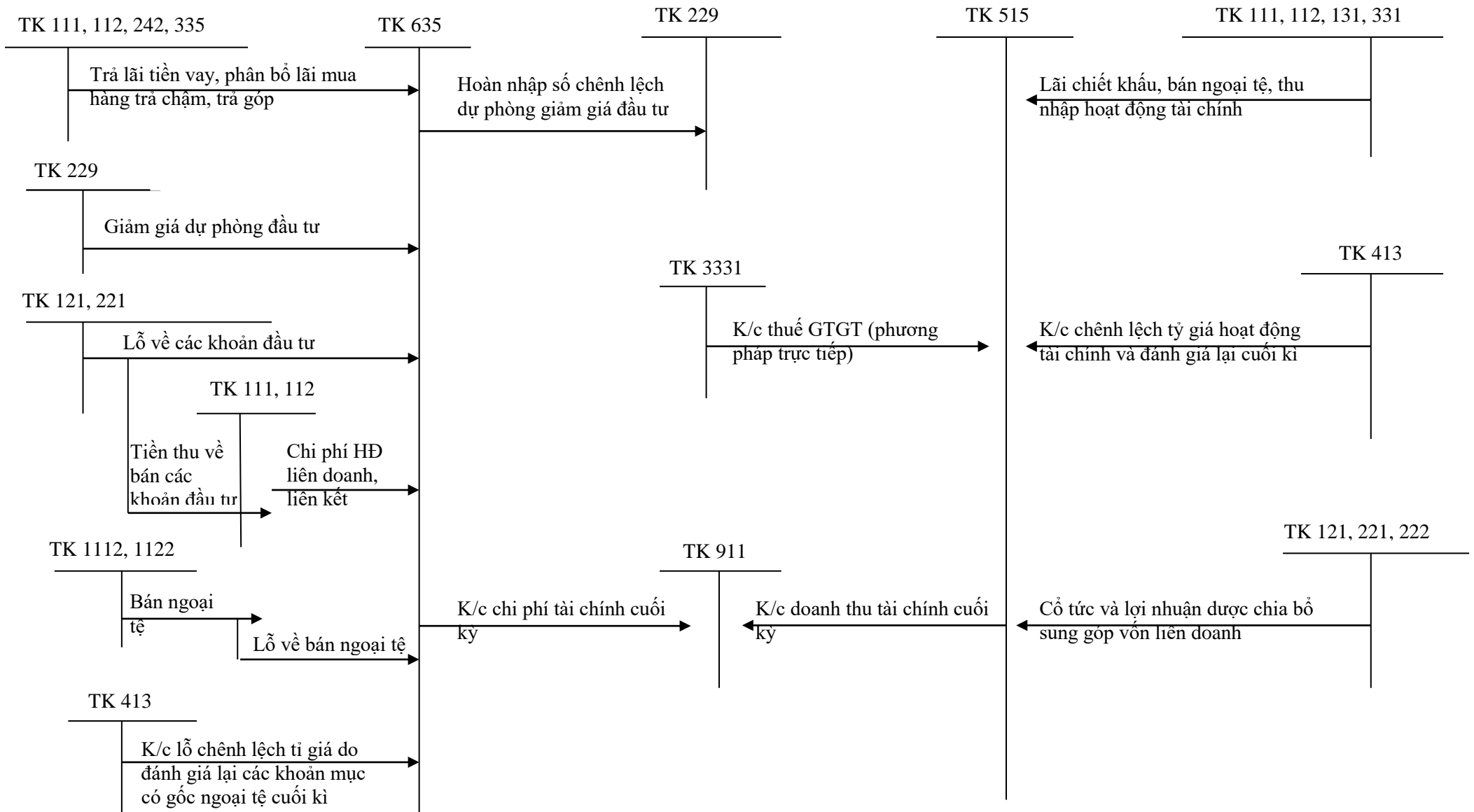
Kết cấu tài khoản 635:

Nợ	TK635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: Chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 635 không có số dư

1.2.4.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác.

Kết cấu tài khoản 711:

Nợ	TK711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911.	-	Tập hợp thu nhập khác phát sinh trong kỳ kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 711 không có số dư

Tài khoản 811 – Chi phí khác

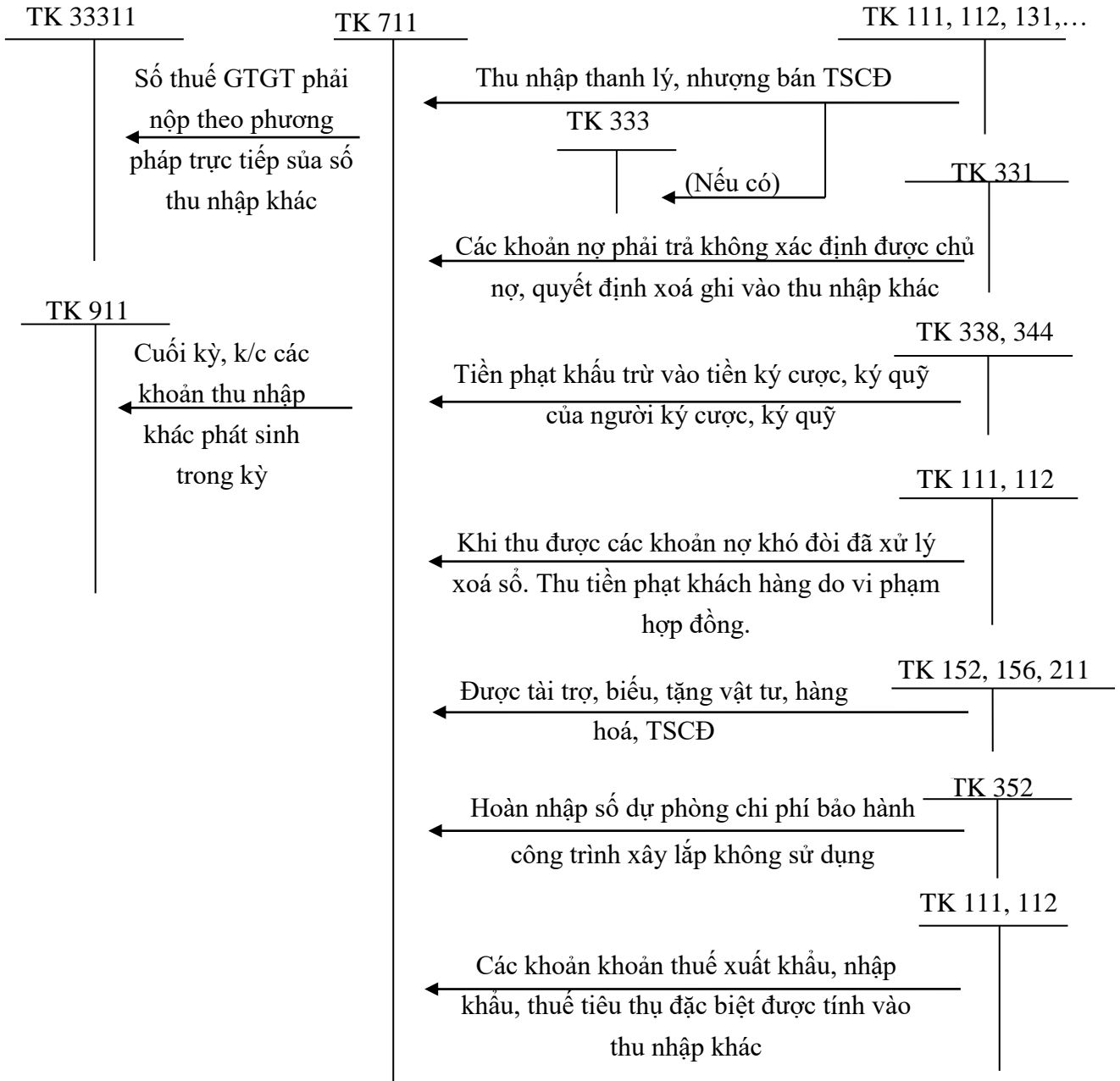
Kết cấu tài khoản 811:

Nợ	TK 811	Có
- Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ	-	- Kết chuyển chi phí khác sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

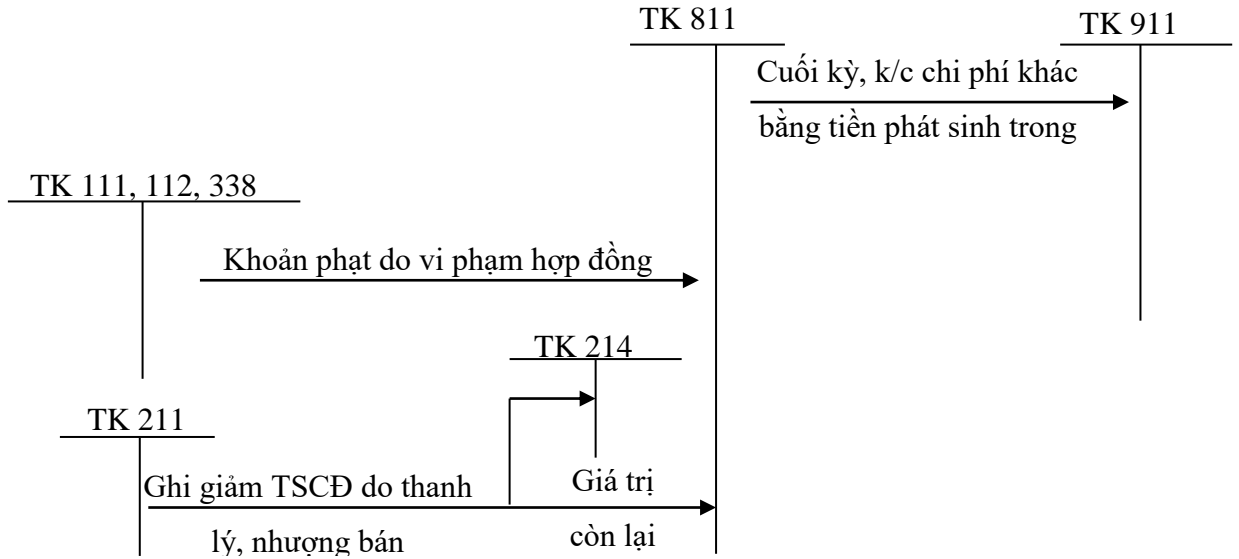
TK 811 không có số dư

1.2.5.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.5: Kế toán thu nhập khác.



Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

Cách xác định kết quả kinh doanh:

- **Doanh thu thuần** = DT bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu.
- **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán.
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh.
- **Lợi nhuận từ hoạt động khác** = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.
- **Lợi nhuận kế toán trước thuế** = **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động khác**

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ liên quan khác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu tài khoản 911:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none">- Tập hợp CP phát sinh trong kỳ (giá vốn hàng bán, CP BH, CP QLKD, CP hoạt động tài chính, CP khác).- Kết chuyển lãi.- Kết chuyển CP thuế TNDN.		<ul style="list-style-type: none">- Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ (doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác).- Kết chuyển lỗ.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 911 không có số dư

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối, bao gồm:

TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

TK4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Kết cấu tài khoản 421:

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.- Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp.- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư, các bên tham gia góp vốn.- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.- Nộp lợi nhuận lên cấp trên		<ul style="list-style-type: none">- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ- Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có
Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý		Số lợi nhuận chưa phân phối

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

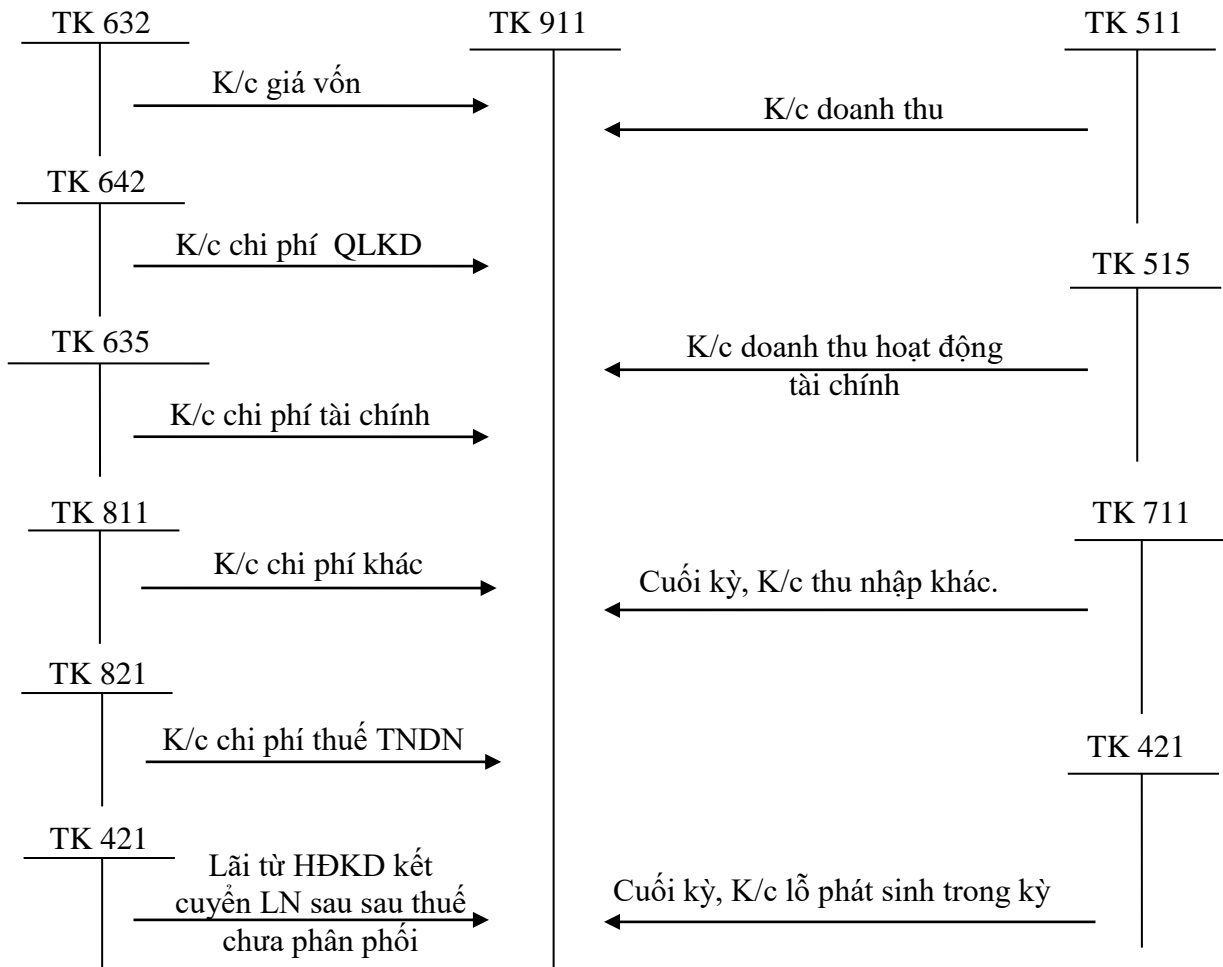
Kết cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. - Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 821 không có số dư

1.2.1.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.7: Kế toán kết quả kinh doanh



1.3. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.3.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp:

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái xuất đơn cũng như tái xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện được các nghĩa vụ đối với đất nước, tham gia liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài.

Đồng thời doanh nghiệp luôn quan tâm đến các khoản chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với bản chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận trong doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là kiểm soát được chi phí của doanh nghiệp từ đó đưa ra các quyết định chi tiêu một cách hợp lý cho hiệu quả cao.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra, doanh nghiệp phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh, có như vậy doanh nghiệp mới biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình và biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng hoạt động của doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh giúp cho ban lãnh đạo nắm bắt được tình hình tiêu thụ, thu hồi các khoản phải thu của khách hàng, nắm bắt được kết quả kinh doanh của kỳ, đưa ra phương hướng, kế hoạch cho kỳ tới. Chính vì thế làm tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ quyết định sự thành bại của doanh nghiệp.

Đối với Nhà nước:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh – xã hội tốt nhất.

- Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

Đối với nhà đầu tư: Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

Đối với tổ chức trung gian tài chính: Các số liệu về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư

1.3.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ

Để phát huy được vai trò của kế toán là công cụ quản lý của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản thu và chi phí.

- Tính toán phản ánh chính xác, kịp thời tổng giá trị thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, khách hàng, đơn vị trực thuộc

- Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập phát sinh trong kỳ.

- Lập báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời, cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để tăng lợi nhuận.

1.4. Vận dụng ghi sổ kế toán theo các hình thức kế toán

Tùy vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn hình thức kế toán sau:

1.4.1. Hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian. Dựa vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để vào các Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

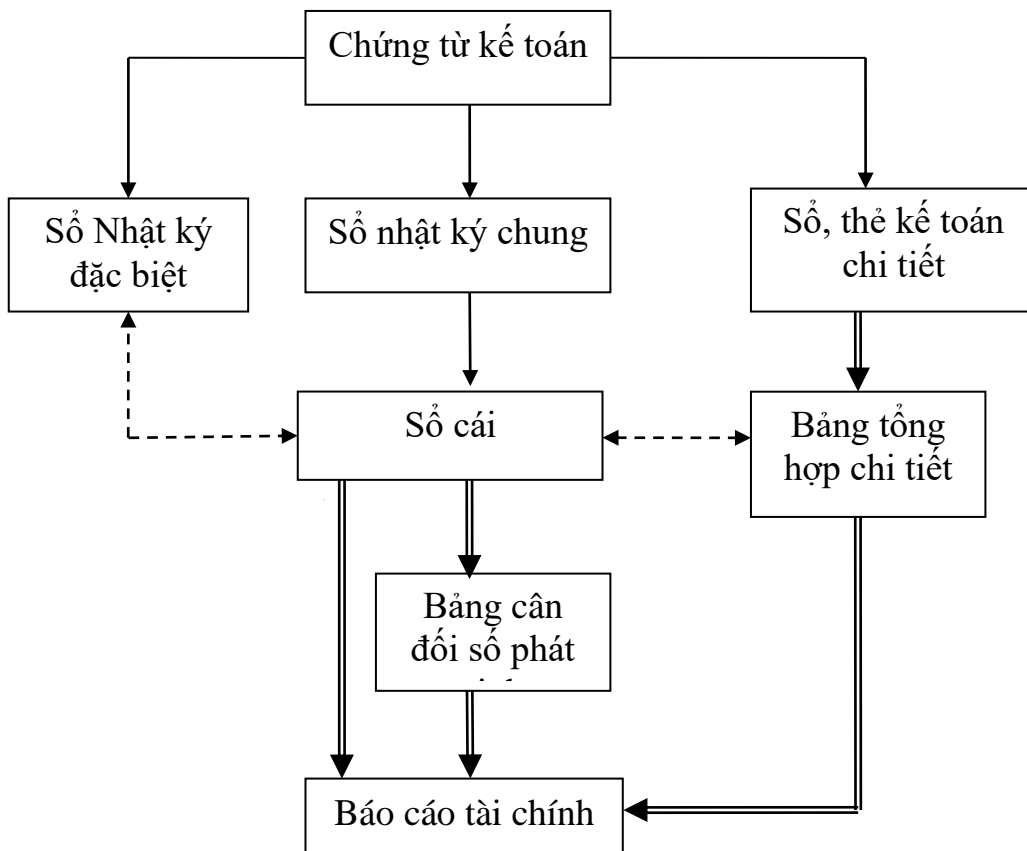
Điều kiện áp dụng: Sử dụng cho hầu hết các loại hình DN: SX – TM – DV – XD có quy mô vừa và nhỏ

Ưu điểm:

- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
- Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên Sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

+ **Nhược điểm:** Lượng ghi chép nhiều.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ← →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: →

1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều được ghi vào Sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ Nhật ký – sổ cái theo trình tự thời gian. Căn cứ vào Nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại.

Điều kiện áp dụng: Sử dụng cho những DN có quy mô nhỏ, sử dụng ít Tài khoản kế toán

+ **Ưu điểm**

- Số lượng sổ ít, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép.
- Việc ktra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký – sổ cái

+ **Nhược điểm**

- Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán(chỉ có duy nhất 1 sổ tổng hợp – Nhật ký sổ cái)
- Khó thực hiện đối với DN có quy mô vừa và lớn, phát sinh nhiều Tài khoản.

1.4.3. Hình thức Chứng từ - ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên chứng từ kế toán đều được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu ghi trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi vào Sổ Cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng cho những DN có quy mô vừa, Quy mô lớn. Sử dụng nhiều lao động kế toán và số lượng lớn các Tài khoản kế toán được sử dụng

Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

+ **Nhược điểm**

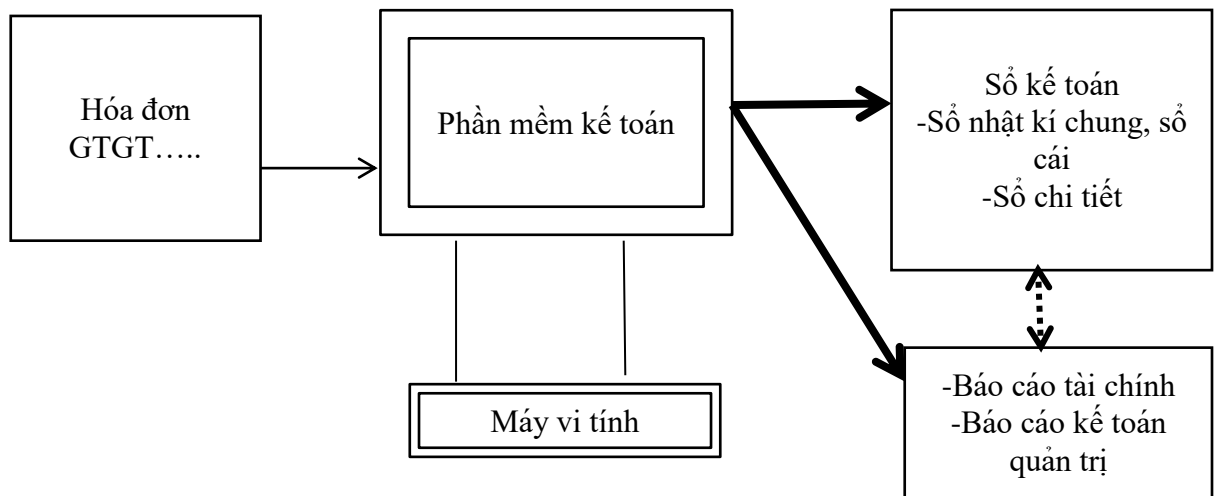
- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.
- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện vào cuối tháng, vì vậy cung cấp thông tin thường chậm

1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi

sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

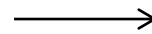


Ghi chú

Nhập số liệu hàng ngày:

In sổ, Báo cáo cuối tháng, cuối năm:

Quan hệ đối chiếu kiểm tra:



Chương II:

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH NGỌC KHUÊ.**

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Tên công ty: Công ty TNHH máy tính Ngọc Khuê

Địa chỉ: xóm 9, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Quá trình hình thành: Công ty TNHH máy tính Ngọc Khuê

- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Việt: Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh: NGOC KHUE COMPUTER COMPANY LIMITED
- Địa chỉ trụ sở chính: xóm 9, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
- Mã số doanh nghiệp: 0201150284
- Công ty đăng ký lần đầu vào ngày 10 tháng 03 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 19 tháng 04 năm 2011
- SĐT: 0313965157
- Email: congtymaytinhngockhue@gmail.com

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê được biết đến như một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh máy vi tính, các thiết bị văn phòng cũng như cung cấp các dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành,... các thiết bị tin học, điện tử tại huyện Thủy Nguyên.

Trải qua gần 5 năm xây dựng và phát triển, Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê đã gặt hái được một số thành công nhất định và càng ngày khẳng định được uy tín, tạo được chỗ đứng vững chắc trong lòng khách hàng.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng tốt nhất, giá cả hợp lý nhất, bảo hành tốt nhất.

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.
- Lập trình máy vi tính.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Chi tiết: Máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)

- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- Sửa chữa thiết bị điện.
- Hoạt động cấp tín dụng khác.

Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

Chi tiết: Đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện

- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

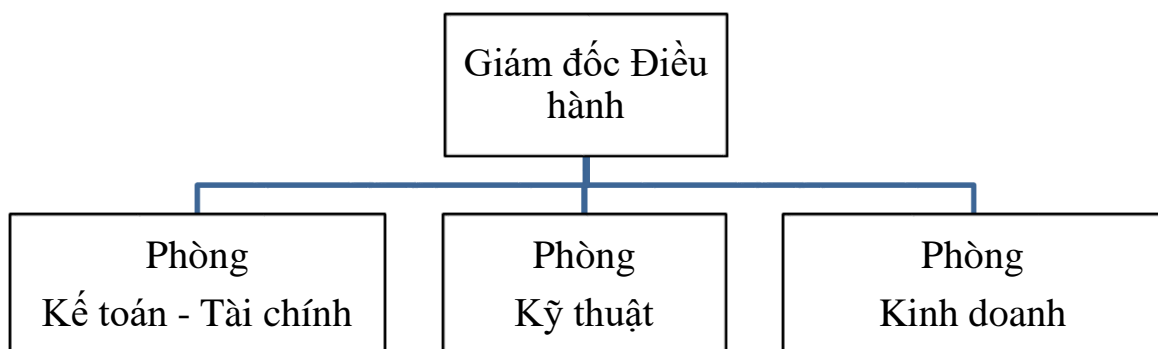
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý ở Công ty:

Để thực hiện tốt các chức năng và nhiệm vụ của mình thì việc xây dựng bộ máy tổ chức quản lý cũng như phân công nhiệm vụ của các bộ phận luôn được công ty quan tâm xây dựng và đổi mới sao cho phù hợp với đặc điểm quản lý, hạch toán kinh doanh của công ty nhằm khai thác mọi hiệu quả tiềm năng và thế mạnh.

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình tham mưu trực tuyến đơn cải chức năng và phân phối, đứng đầu chịu trách nhiệm điều hành toàn Công ty là giám đốc. Phó giám đốc và các trưởng phòng giúp việc cho Giám đốc trong công tác chuẩn bị các quyết định, đưa ra hướng dẫn, và kiểm tra việc thực hiện các quyết định.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:



Sơ đồ 2.1: cơ cấu quản lý của Công ty TNHH máy tính Ngọc Khuê

Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban

- *Giám đốc điều hành:*

Quản lý toàn bộ nhân viên trong công ty, theo dõi điều hành trực tiếp mọi hoạt động của công ty thông qua bộ máy lãnh đạo của công ty.

Là người tiếp nhận ý kiến sang tạo của cấp dưới, có cái nhìn bao quát, khác quan và tạo được môi trường làm việc thuận lợi, sang tạo cho đội ngũ nhân viên.

Giám đốc là người chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về mọi hoạt động đối nội, đối ngoại của công ty..

- *Phòng tài chính – Kế toán:*

Tổ chức công tác ghi chép ban đầu, lập, kiểm soát và quản lý các chứng từ, sổ sách kế toán theo đúng quy luật của pháp luật.

Hạch toán và kế toán các nghiệp vụ kinh doanh và sản xuất toàn công ty, sử dụng hiệu quả nguồn tài chính và tài sản của công ty, chuyên nộp báo cáo thuế, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê theo chế độ Kế toán – Tài chính hiện hành.

Tham mưu cho giám đốc trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính, đề xuất lên giám đốc các phương án tổ chức kế toán, đồng thời thông tin cho ban lãnh đạo những hoạt động tài chính, những thông tin cần thiết để kịp thời điều chỉnh quá trình hoạt động kinh doanh trong công ty.

Quản lý, sử dụng, bảo mật chương trình phần mềm kế toán. Tổ chức, thực hiện những nhiệm vụ đáp ứng mọi nhu cầu của công tác kế toán quản trị trong Doanh nghiệp.

- *Phòng Kỹ thuật:*

Bộ phận kỹ thuật chịu trách nhiệm lắp ráp, bảo hành trực tiếp tại công ty hoặc bên ngoài theo hợp đồng làm việc với khách hàng. Nhân viên kỹ thuật chịu sự quản lý của Trưởng phòng kỹ thuật, mọi việc đều phải thông qua Trưởng phòng kỹ thuật.

Sửa chữa thiết bị: Khắc phục sự cố phần cứng tại chỗ (nếu có thể), thay mặt khách hàng mang thiết bị đi bảo hành (nếu còn bảo hành), mua thiết bị thay thế (khi khách hàng đồng ý về giá cả) và cài đặt lại các phần mềm cơ bản (hệ điều hành, office, chống virus,...) cho máy tính cá nhân và các thiết bị tin học khác theo yêu cầu.

Tư vấn kỹ thuật: tư vấn kỹ thuật cho Khách hàng sử dụng, khắc phục sự cố, bảo trì và nâng cấp hệ thống máy tính và các thiết bị tin học và điện tử khác.

- **Phòng kinh doanh:**

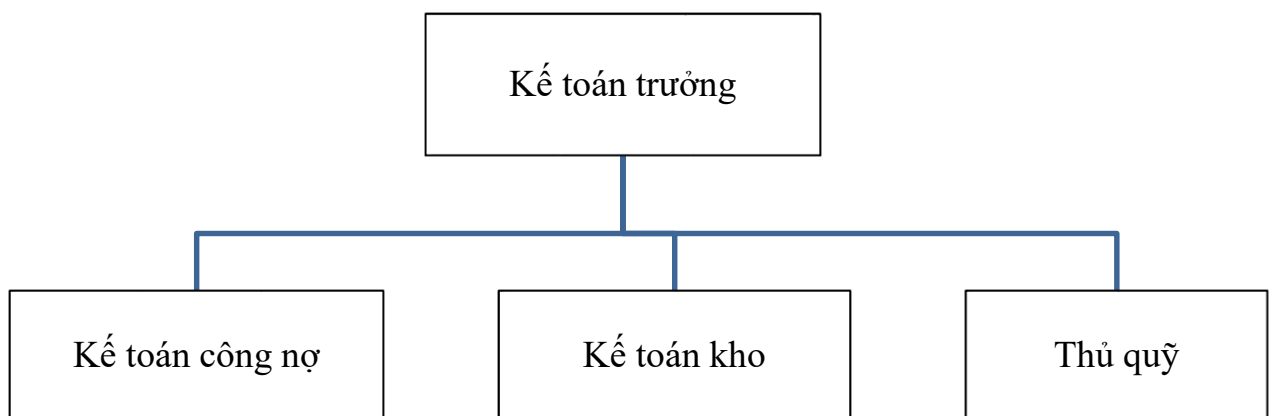
Chịu trách nhiệm kinh doanh, tư vấn, giải đáp thắc mắc của khách hàng và quảng cáo tới khách hàng về các loại, các dòng và các dịch vụ của công ty. Đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của công ty, mang lại doanh thu, lợi nhuận cho công ty.

Chịu trách nhiệm nghiên cứu thị trường, tìm kiếm khách hàng cũng như xây dựng được uy tín của công ty trong lòng khách hàng, xây dựng các phương hướng hoạt động kinh doanh của công ty.

2.1.3.2: Tổ chức công tác kế toán ở Công ty:

2.1.3.2.1: Tổ chức bộ máy kế toán ở Công ty:

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê được tổ chức theo hình thức tập trung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập trung đã giúp bộ máy kế toán của công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với tình trạng của công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc đưa ra quyết định (Sơ đồ 2.2).



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Chức năng nhiệm vụ trong bộ máy kế toán của công ty:

- **Kế toán trưởng:**

Có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của công ty và chịu sự điều hành của Giám đốc.

Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, theo dõi đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Dựa trên các số liệu kế toán, phân tích tình hình kế toán, tài chính của công ty.

Phân công nhiệm vụ công việc và chỉ đạo tất cả các nhân viên kế toán. Có trách nhiệm kiểm tra mức lương, tiền thưởng và các chính sách với người

laodộng.

- **Kế toán công nợ:**

Theo dõi tình hình thanh toán của công ty với khách hàng.

Đối chiếu công nợ của công ty với khách hàng.

Thực hiện việc ghi chép sổ quỹ.

Quản lý chứng từ, sổ sách liên quan đến thu, chi tiền mặt.

- **Kế toán kho:**

Hạch toán tổng hợp và chi tiết hàng hóa mua vào và bán ra.

Theo dõi tình hình hàng hóa trong kho. Các hàng hóa tồn trong kho, các hàng hóa đã hết và theo dõi thời gian bảo hành các sản phẩm để đưa ra phương án tiêu thị sản phẩm tồn.

- **Thủ quỹ:**

Có nhiệm vụ chi tiền mặt khi có quyết định của lãnh đạo và thu tiền vốn vay của các đơn vị, theo dõi, ghi chép, phản ánh kịp thời đầy đủ chính sách tình hình tăng giảm và số tiền còn tồn tại quỹ. Cung cấp thông tin chính xác cho kế toán trưởng để làm cơ sở cho việc kiểm soát điều chỉnh vốn bằng tiền, từ đó đưa ra quyết định thích hợp cho hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính của công ty.

2.1.3.2.2: Chế độ và các chính sách kế toán tại công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê:

Chế độ và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê:

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê áp dụng chế độ kế toán theo QĐ48/2006/QĐ – BTC, ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các chứng từ, sổ sách kế toán đều tuân thủ theo đúng quy trình của nhà nước, lập theo mẫu sẵn của Bộ Tài chính ban hành.

- Phương pháp hạch toán và nộp thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao đường thẳng
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ 1/1 đến 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán: Việt Nam đồng.

- Hệ thống báo cáo kế toán: Kế toán tổng hợp làm các báo cáo kế toán theo quý gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.

- Hệ thống sổ sách của công ty: Để theo dõi các quá trình kế toán, phòng kế toán theo dõi trên các sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ cái bằng phương pháp thủ công trên bảng biểu Excel

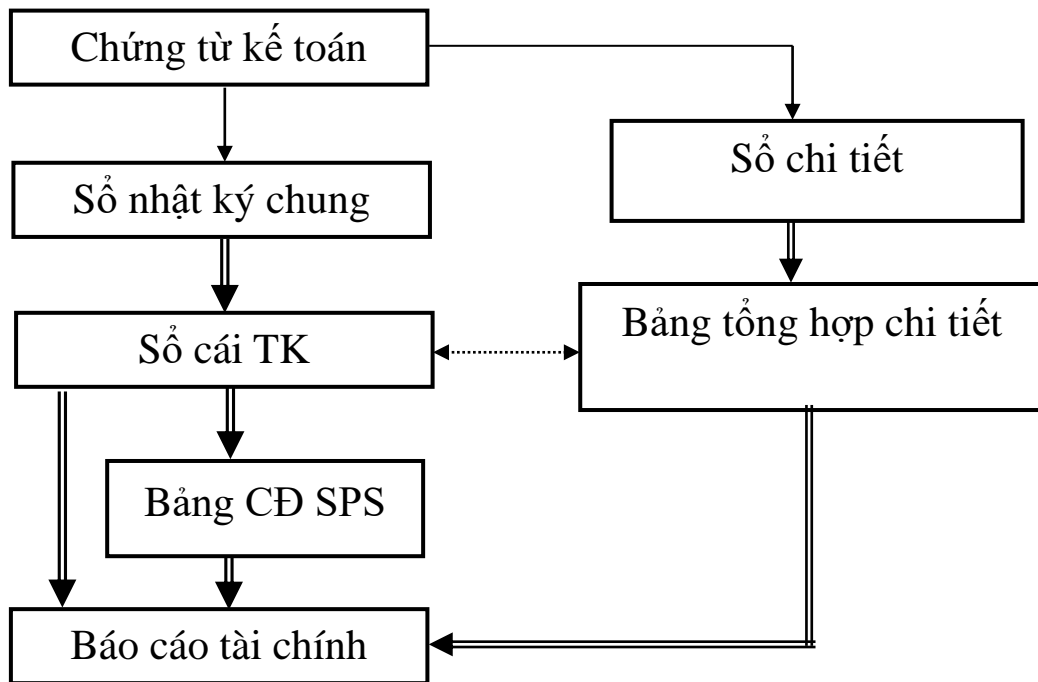
- *Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê:*

Hình thức ghi sổ kế toán được áp dụng tại công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê là hình thức Nhật ký chung. Trình tự ghi sổ kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.3) với quy trình sổ kế toán được thực hiện như sau:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết, ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó sau đó căn cứ vào các số liệu ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Khi mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi Sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào các sổ chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←.....> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH máy tính Ngọc Khuê.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp nhận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.
- Phương thức bán hàng mà công ty áp dụng là phương thức trực tiếp.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng),... và các chứng từ liên quan khác

2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

Tài khoản sử dụng:

TK 511 “ Doanh thu bán hàng”

Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan:

TK111, TK 112, TK 131, TK 3331

Sổ sách sử dụng:

Sổ Nhật ký chung.

Sổ cái các tài khoản

Ví dụ 2.1: Ngày 12/12/2015 công ty bán cho Trường THPT Quang Trung 2 mục photocopy TMT 450 với giá 190.000 đồng (thuế GTGT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Định khoản:

Nợ TK 111: 209.000

Có TK 511: 190.000

Có TK 3331: 19.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000445 (**biểu số 2.1**), phiếu thu số 21 (**biểu số 2.2**). Kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.4**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.5**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Lưu nội bộ

Ngày 12 tháng 12 năm 2015

Mẫu số :01GTKT3/001

Kí hiệu :AA/15P

Số :0000445

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê

Địa chỉ : Cao Nhân – Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mã số thuế : 0201150284

Điện thoại : (0313) 965157

Họ tên người mua : Nguyễn Thu Hà

Tên đơn vị : Trường THPT Quang Trung

Địa chỉ : Cao Nhân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Hình thức thanh toán : Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Mực in TMT 450	Lọ	2	190.000	380.000
Cộng tiền hàng					380.000
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT :		38.000
Tổng tiền thanh toán					418.000

Số tiền viết bằng chữ :**Bốn trăm mười tám nghìn đồng chẵn./.**

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2 : Phiếu thu

Đơn vị: Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Địa chỉ : Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số: 21

Ngày 12 tháng 12 năm 2015

Nợ TK111: 418.000

Có TK 511: 380.000

Có TK 3331: 38.000

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thu Hà

Địa chỉ: Trường THPT Quang Trung

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 418.000 đồng

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 12 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập
(ký, họ tên)

Người nộp
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): *Bốn trăm mười tám nghìn đồng chẵn.*
(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

Ví dụ 2.2 : Bán hàng cho công ty TNHH Đức Hạnh 1 máy tính xách tay Dell INS 5548 core i6 với giá 15.000.000 đồng (VAT 10%), chưa thanh toán.

Định khoản:

Nợ TK 131: 16.500.000

Có TK 511: 15.000.000

Có TK 3331: 1.500.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000445 (**biểu số 2.3**), kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.4**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.5**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3 : Hóa đơn GTGT

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Lưu nội bộ

Ngày 12 tháng 12 năm 2015

Mẫu số :01GTKT3/001

Kí hiệu :AA/15P

Số :0000446

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê

Địa chỉ : Cao Nhân – Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mã số thuế : 0201150284

Điện thoại : (0313) 965157

Họ tên người mua : Doãn Hải Hiền

Tên đơn vị : Công ty TNHH Đức Hạnh

Địa chỉ : Tân Dương – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Hình thức thanh toán : Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Máy tính Dell INS 5548	Cái	1	15.000.000	15.000.000
Cộng tiền hàng					15.000.000
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT :		1.500.000
Tổng tiền thanh toán					16.500.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4: Trích Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

ĐVT: VND

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài Khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
...
11/12	PT19	11/12	Bán phế liệu cho công ty TNHH Tiến Đạt	111 711 3331	1.232.000	1.120.000 112.000
12/12	PT20	12/12	Bán hàng cho trường THPT Quang Trung	111 511 3331	418.000	380.000 38.000
12/12	PT21	12/12	Bán hàng cho công ty Đức Hạnh	131 511 3331	16.500.000	15.000.000 1.500.000
...
18/12	PC23	18/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển	642 133 111	650.000 65.000	715.000
...
30/12	PC59	30/12	Thanh toán chi phí tiếp khách	642 133 111	4.000.000 400.000	4.400.000
31/12	GBC 1512/022	31/12	NH ACB trả lãi trên số dư TK tháng 12	112 515	190.640	190.640
...
			Tổng cộng		72.383.949.636	72.383.949.636

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên TK: Doanh thu bán hàng

Số hiệu: 511

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TKĐ U	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong năm					
...
12/12	PT20	12/12	Bán hàng Trường THPT Quang Trung			111		380.000
12/12	PT21	12/12	BH cho cty Đức Hạnh			131		15.000.000
...
18/12	HĐ458	18/12	Bán hàng cho trường mầm non Cao Nhân			131		49.024.000
...
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu			911	11.489.867.840	
			Cộng phát sinh				11.489.867.840	11.489.867.840
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê không có các khoản giảm trừ doanh thu do:

- Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.
- Sản phẩm của công ty không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.
- Sản phẩm của công ty chi tiêu thụ trong nước nên không chịu thuế xuất khẩu.
- Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

2.2.3.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán.

Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa xuất bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

$$\text{Tri giá vốn của hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền} = \frac{\text{Giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

2.2.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao.
- Các chứng từ liên quan khác.

2.2.3.3. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- Tài khoản 632: giá vốn hàng bán và các TK có liên quan khác.
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 632

Ví dụ 2.3: (tiếp theo ví dụ 2.1) Ngày 31/12, công ty hạch toán giá vốn hàng xuất kho theo hóa đơn 0000445

Đơn giá xuất kho mục in TMT 450:

- Đầu tháng 12 tồn 13 mực in đơn giá 143.862 đồng/cái
- Trong tháng 12 nhập 120 mực in với giá 152.460 đồng/cái

$$\text{Đơn giá xuất} = \frac{13 \times 143.862 + 120 \times 152.460}{13 + 120} = 151.620 \text{ đồng/cái}$$

Định khoản:

Nợ TK 632: 303.240

Có TK 156: 303.240

Ví dụ 2.4: (tiếp theo ví dụ 2.2) Ngày 31/12, công ty hạch toán giá vốn hàng xuất kho theo hóa đơn 0000446

Đơn giá xuất kho máy tính Dell INS 5548:

- Đầu tháng 12 tồn 2 máy tính đơn giá 12.798.454 đồng/cái
- Trong tháng 12 nhập 10 máy tính với giá 13.111.673 đồng/cái

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{xuất} \end{array} = \frac{2 \times 12.798.454 + 10 \times 13.111.673}{2 + 10} = \begin{array}{l} 13.059.470 \\ \text{đồng/cái} \end{array}$$

Định khoản:

Nợ TK 632: 13.059.470

Có TK 156: 13.059.470

Để phản ánh giá vốn của nghiệp vụ này kế toán lập phiếu xuất kho số 445 (**biểu số 2.6**), 446 (**biểu số 2.7**). Do công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ nên cột đơn giá để trống.

Cuối kỳ, căn cứ vào phiếu xuất kho 445 (**biểu số 2.6**), 446 (**biểu số 2.7**) và kết quả tính toán đơn giá hàng xuất kho kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (**biểu số 2.8**) và sổ cái TK 632 (**biểu số 2.9**)

Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng và lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Địa chỉ: Cao Nhân-Thủy Nguyên-Hải Phòng

Mẫu số 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 12 năm 2015

Số: 445

Họ và tên người nhận: Hoàng Minh Anh

Lý do xuất : Xuất bán hàng hóa

Xuất tại: Kho Công ty Địa điểm: Xóm 9 – Cao Nhân – Thủy Nguyên - Hải Phòng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Mực in TMT 450	TMT450	Túi	2	2		
	Cộng						

Ngày 12 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Địa chỉ: Cao Nhân-Thủy Nguyên-Hải Phòng

Mẫu số 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 12 năm 2015

Số: 446

Họ và tên người nhận: Hoàng Minh Anh

Lý do xuất : Xuất bán hàng hóa

Xuất tại: Kho Công ty Địa điểm: Xóm 9 – Cao Nhân – Thủy Nguyên - Hải
Phòng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy tính Dell INS 5548	DELL5548	Chiếc	1	1		
	Cộng						

Ngày 12 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

Biểu số 2.8: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 31:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Giá vốn hàng hóa tháng 12	632	156	713.894.932
	Cộng			713.894.932

Kèm theo: 52 chứng từ gốc

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.9: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

ĐVT: VND

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài Khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
...
11/12	PT19	11/12	Bán phế liệu cho công ty TNHH Tiến Đạt	111 711 3331	1.232.000	1.120.000 112.000
12/12	PT20	12/12	Bán hàng cho trường THPT Quang Trung	111 511 3331	418.000	380.000 38.000
12/12	PT21	12/12	Bán hàng cho công ty Đức Hạnh	111 511 3331	16.500.000	15.000.000 1.500.000
...
18/12	PC23	18/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển	642 133 111	650.000 65.000	715.000
...
30/12	PC59	30/12	Thanh toán chi phí tiếp khách	642 133 111	4.000.000 400.000	4.400.000
31/12	GBC 1512/022	31/12	NH ACB trả lãi trên số dư TK tháng 12	112 515	190.640	190.640
31/12	PKT31	31/12	Giá vốn hàng bán	632 156	713.894.932	713.894.932
...
			Tổng cộng		72.383.949.636	72.383.949.636

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.10: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong năm					
...
30/11	PKT30	30/11	Giá vốn hàng bán tháng 11/2015			156	813.012.470	
31/12	PKT31	31/12	Giá vốn hàng bán tháng 12/1015			156	713.894.932	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn			911		10.848.867.840
			Cộng phát sinh				10.848.867.840	10.848.867.840
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh gồm các khoản sau:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Thuế, phí, lệ phí,...
- Chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài như: chi phí điện nước, điện thoại, tiếp khách...

2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,...

2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642 và các sổ sách có liên quan.

Ví dụ 2.5: Ngày 5/12/2015 kế toán căn cứ vào bảng lương nhân viên tháng 11 (**biểu số 2.11**) năm 2015.

Định khoản:

Nợ TK 642: 34.100.000

Có TK 334: 34.100.000

Ví dụ 2.6: Ngày 09/12/2015 thanh toán tiền cước viễn thông tháng 11/2015.

Căn cứ hóa đơn GTGT số 3509279 (**biểu số 2.12**), phiếu chi số 17 (**biểu số 2.13**) và các chứng từ liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách theo định khoản:

Nợ TK 642: 794.360

Nợ TK 133: 79.436

Có TK 111: 837.796

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.14**), sau đó từ sổ nhật ký chung phản ánh vào sổ cái TK 642 (**Biểu số 2.15**).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11: Bảng lương tháng 11/2015

Đơn vị: Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê

Địa chỉ: Cao Nhân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

BẢNG LƯƠNG TOÀN DOANH NGHIỆP

Tháng 11 năm 2015

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Phụ cấp	Tổng lương	Ký nhận	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Nhung	KTT	4.500.000	500.000	5.000.000		
2	Bùi Bích Nguyệt	KT	2.500.000	300.000	2.800.000		
3	Mạc Mạnh Quân	KT	2.500.000		2.500.000		
4	Nguyễn Bảo Anh	TQ	3.000.000		3.000.000		
5	Hoàng Hồng Nhung	PKD	4.000.000	500.000	4.500.000		
6	Vũ Như Quỳnh	BH	1.720.000		1.800.000		
7	Bùi Minh Ngọc	BH	1.880.000		1.800.000		
8	Đào Ngọc An	BH	2.700.000	300.000	3.000.000		
9	Hoàng Xuân Quang	KTH	3.500.000	200.000	3.700.000		
10	Trịnh Văn Luân	KTH	3.000.000		3.000.000		
11	Mai Vũ Anh	KTH	3.000.000		3.000.000		
	Cộng		32.300.000	1.800.000	34.100.000		

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Người lập

Giám đốc

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.12:Hóa đơn cước viễn thông tháng 11/2015

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)		Mẫu số::01GTKT3/001			
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Kí hiệu :AA/15P			
(liên 2: Giao cho người mua)		Số :3509279			
Ngày 09/12/2015					
Mã số thuế: 0200287977					
Đơn vị: Viễn thông Hải Phòng					
Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng					
Điện thoại (04)33502782					
Tên đơn vị(Customer's name): Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê					
Địa chỉ: Xóm 9 , xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.					
Mã số thuế: 0203004486					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Dịch vụ sử dụng (KIND OF SERVICE)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Kì cước tháng 11/2015				794.360
		Cộng tiền hàng			794.360
	Thuế suất GTGT : 10%	%Tiền thuế GTGT			79.436
		Tổng cộng tiền thanh toán			837.796
	Số tiền ghi bằng chữ	Tám trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng./.			

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.13: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Địa chỉ: Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: 17

Ngày 09 tháng 12 năm 2015

Nợ TK 642: 794.360

Nợ TK 133: 79.436

Có TK 111: 837.796

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Ngọc Anh

Địa chỉ: Thủ quỹ

Lý do chi: Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 11

Số tiền: 837.796 đồng

(Viết bằng chữ) *Tám trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng.*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 09 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận tiền
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): *Tám trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng.*

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14: Trích Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

ĐVT: VND

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài Khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
...
05/12	BL11	05/12	Lương nhân viên tháng 11/2015	642 334	34.100.000	34.100.000
05/12	PC07	05/12	Trả lương nhân viên bằng tiền mặt	334 111	34.100.000	34.100.000
...
09/12	PC17	09/12	Thanh toán cước viễn thông tháng 11/2015	642 133 111	794.360 79.436	837.796
...
11/12	PT19	11/12	Bán phế liệu cho công ty TNHH Tiên Đạt	111 711 3331	1.232.000	1.120.000 112.000
12/12	PT20	12/12	Bán hàng cho trường THPT Quang Trung	111 511 3331	418.000	380.000 38.000
12/12	PT21	12/12	Bán hàng cho công ty Đức Hạnh	111 511 3331	16.500.000	15.000.000 1.500.000
...
31/12	GBC 1512/022	31/12	NH ACB trả lãi trên số dư TK tháng 12	112 515	190.640	190.640
...
			Tổng cộng		72.383.949.636	72.383.949.636

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15: Sổ cái TK 642

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
 Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
 Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TKĐ U	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong năm					
...
05/12	BL11	05/12	Lương nhân viên tháng 11/2015			334	34.100.000	
05/12	PC08	05/12	Mua văn phòng phẩm			111	160.000	
...
09/12	PC17	09/12	Thanh toán cước viễn thông tháng 11/2015			111	794.360	
...
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý			911		628.226.765
			Cộng phát sinh				628.226.765	628.226.765
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo Có của ngân hàng.

Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Sổ nhật ký chung.

- Sổ cái TK 515 và các sổ sách liên quan khác.

Quy trình hạch toán:

Căn cứ giấy báo Có của ngân hàng, kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 515,112. Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Trong kỳ công ty không phát sinh các khoản chi phí lãi vay.

Ví dụ 2.7: Ngày /12/2015, Công ty nhận giấy báo có thông báo lãi tiền gửi ngân hàng ACB Thủy Nguyên số tiền: 190.640 đồng.

Định khoản:

Nợ TK 112: 190.640

 Có TK 515: 190.640

Căn cứ vào Giấy báo Có của ngân hàng ACB (**biểu số 2.16**). Kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.17**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.18**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.16: Giấy báo Có

NGAN HÀNG TMCP A CHAU
Chi nhánh: ACB – CN THUY
NGUYEN

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 25-12-2015 Ma GDV:
Ma KH: 367413
Số GD: 67

Kính gọi: CTY TNHH MÁY TÍNH NGỌC KHUÊ
Ma số thuế: 0201150284

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CO tại khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 53786689
Số tiền bằng số: 190,640 VND
Số tiền bằng chữ: MOT TRAM CHIN MUOI NGHIN SAU TRAM
BON MUOI DONG CHAN.
Nội dung: #Lai nhập von#

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Trích Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê

Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

ĐVT: VND

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài Khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
...
11/12	PT20	11/12	Bán phế liệu cho công ty TNHH Tiến Đạt	111 711 3331	1.232.000	1.120.000 112.000
12/12	PT21	12/12	Bán hàng cho trường THPT Quang Trung	111 511 3331	418.000	380.000 38.000
12/12	HĐ446	12/12	Bán hàng cho công ty Đức Hạnh	131 511 3331	16.500.000	15.000.000 1.500.000
...
18/12	PC23	18/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển	642 133 111	650.000 65.000	715.000
18/12	HĐ457	18/12	Bán hàng cho cty Tân Hợp	112 511 3331	116.493.850	105.903.500 10.590.350
...
30/12	PC59	30/12	Thanh toán chi phí tiếp khách	642 133 111	4.000.000 400.000	4.400.000
31/12	GBC 1512/022	31/12	NH ACB trả lãi trên số dư TK tháng 12	112 515	190.640	190.640
...
			Tổng cộng		72.383.949.636	72.383.949.636

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18:Sổ cái TK 515

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong năm					
...
25/10	GNC41	25/10	Lãi nhập vốn			112		87.903
25/11	GBC52	25/11	Lãi nhập vốn			112		43.174
25/12	GBC67	15/12	Lãi nhập vốn			112		190.640
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			911	752.573	
			Cộng phát sinh				752.573	752.573
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

2.2.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.7.1. Kế toán thu nhập khác

- Chứng từ sử dụng
Hóa đơn GTGT
Phiếu thu, phiếu chi,..
- Tài khoản sử dụng
TK 711:” Thu nhập khác”

Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 711

2.2.7.1. Kế toán chi phí khác

Tại công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí khác.

Ví dụ 2.8: Ngày 11/12/2015 công ty bán phế liệu cho công ty Tiến đạt thu bằng tiền mặt số tiền 1.120.000 (chưa VAT 10%).

Định khoản:

Nợ TK 111:	1.232.000
Có TK 711:	1.120.000
Có TK 3331:	112.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000435 (**biểu số 2.19**), phiếu thu số 21 (**biểu số 2.20**). Kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.21**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.22**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.19:Hóa đơn GTGT

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 11 tháng 12 năm 2015

Mẫu số :01GTKT3/001

Kí hiệu :AA/15P

Số :0000435

Đơn vị bán 57ang: Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê

Địa chỉ : Cao Nhân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mã số thuế : 0201150284

Điện thoại : (0313) 965157

Họ tên người mua : Bùi Minh Châu

Tên đơn vị : Công ty TNHH Tiến Đạt

Địa chỉ : Thủy Đường – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Hình thức thanh toán : Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Phế liệu	Kg	56	20.000	1.120.000
Cộng tiền hàng					1.120.000
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT :		112.000
Tổng tiền thanh toán					1.232.000
Số tiền viết bằng chữ : Một triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.20 : Phiếu thu

Đơn vị : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Địa chỉ : Cao Nhân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số: 20

Ngày 11 tháng 12 năm 2015

Nợ TK 111: 1.232.000

Có TK 711: 1.200.000

Có TK 3331: 1 20.000

Họ và tên người nộp tiền: Bùi Xuân Tiến

Địa chỉ: Công ty TNHH Tiên Đạt

Lý do nộp: Bán phế liệu

Số tiền: 1.232.000 đồng

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập
(ký, họ tên)

Người nộp
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): *Một triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn.*

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.21: Trích Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê

Xóm 9 – Cao Nhân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

ĐVT: VND

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài Khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
...
11/12	PT20	11/12	Bán phế liệu cho công ty TNHH Tiến Đạt	111 711 3331	1.232.000	1.120.000 112.000
12/12	PT21	12/12	Bán hàng cho trường THPT Quang Trung	111 511 3331	418.000	380.000 38.000
12/12	HĐ446	12/12	Bán hàng cho công ty Đức Hạnh	131 511 3331	16.500.000	15.000.000 1.500.000
...
18/12	PC23	18/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển	642 133 111	650.000 65.000	715.000
18/12	HĐ457	18/12	Bán hàng cho cty Tân Hợp	112 511 3331	116.493.850	105.903.500 10.590.350
...
30/12	PC59	30/12	Thanh toán chi phí tiếp khách	642 133 111	4.000.000 400.000	4.400.000
31/12	GBC 1512/022	31/12	NH ACB trả lãi trên số dư TK tháng 12	112 515	190.640	190.640
...
			Tổng cộng		72.383.949.636	72.383.949.636

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.22: Sổ cái TK 711

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 – Cao Nhân – Thủy Nguyên – Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên TK: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong năm					
...
11/12	PT20	11/12	Bán phế liệu			111		1.232.000
13/12	PT26	13/12	Khách hàng bồi thường vi phạm hợp đồng			112		23.093.267
...
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển thu nhập khác			911	131.196.524	
			Cộng phát sinh				131.196.524	131.196.524
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.2.7.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty.

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó:

Kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} &= \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh} \\ \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} &= \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán} \end{aligned}$$

Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

2.2.7.2: Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.

Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 821: Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 911, 821, 4212...

Ví dụ 2.9: Xác định kết quả kinh doanh năm 2015:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	:	11.489.867.840
- Doanh thu tài chính	:	752.573
- Thu nhập khác	:	131.196.524
- Giá vốn hàng bán	:	10.848.867.840
- Chi phí quản lý kinh doanh	:	628.226.765

$$\text{Kết quả kinh doanh} = (11.489.867.840 + 752.573 + 131.196.524) - (10.848.867.840 + 628.226.765) = 145.541.152$$

⇒ Trong năm 2015 doanh nghiệp kinh doanh lãi: 145.541.152

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 32, 33, 34, 35, 36 (**Biểu số 2.23, 2.24, 2.25, 2.26, 2.27**).

Từ Phiếu kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.28**) sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh sổ cái TK 911 (**Biểu số 2.29**), sổ cái TK 821 (**Biểu số 2.30**), sổ cái TK 421 (**Biểu số 3.31**).

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng Mã số thuế : 0201150284				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 32:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	11.489.867.840
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	752.573
3	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	131.196.524
	Cộng			11.621.816.937
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Người lập biểu (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.24: Phiếu kê toán

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

PHIẾU KÊ TOÁN

Số 33:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	10.848.049.020
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	628.226.765
	Cộng			11.476.275.785

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.25: Phiếu kê toán

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

PHIẾU KÊ TOÁN

Số 34:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN	8211	3334	36.385.288
	Cộng			36.385.288

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 35:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế TNDN	911	8211	36.385.288
	Cộng			36.385.288

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 36:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	109.155.864
	Cộng			109.155.864

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.28: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

DVT: VND

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài Khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
...
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	511	11.489.867.840	11.489.867.840
				911		
				635	752.573	752.573
				911		
			711	131.196.524	131.196.524	
			911			
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.	911	10.848.049.020	10.848.049.020
				632		
				911	628.226.765	628.226.765
			642			
31/12	PKT34	31/12	Xác định thuế TNDN	8211 3334	36.385.288	36.385.288
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	36.385.288	36.385.288
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	911 421	109.155.864	109.155.864
...
			Tổng cộng		72.383.949.636	72.383.949.636

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.29: Sổ cái TK 911

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
 Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
 Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT KĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong năm					
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng			511		11.489.867.840
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		752.573
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển thu nhập khác			711		131.196.524
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	10.848.049.020	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí QLD			642	628.226.765	
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			821	36.385.288	
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh			421	109.155.864	
			Cộng phát sinh				11.621.816.937	11.621.816.937
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.30: Sổ cái TK 821

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên TK: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT KĐ U	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong năm					
31/12	PKT34	31/12	Xác định thuế TNDN			3334	36.385.288	
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển thuế TNDN			911		36.385.288
			Cộng phát sinh					
			Số dư cuối năm					
			Cộng phát sinh				36.385.288	36.385.288
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.31: Sổ cái TK 421

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Xóm 9 - Cao Nhân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Mã số thuế : 0201150284

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Tra ng số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					23.905.984
			Số phát sinh trong năm					
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển lãi			911		109.155.864
			Cộng phát sinh					109.155.864
			Số dư cuối năm					133.061.848

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Bích Nguyệt

Nguyễn Thị Nhung

Hoàng Văn Quê

(Nguồn số liệu : Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Từ các công thức trên và số liệu được tổng hợp, kế toán tính và xác xác định kết quả kinh doanh, kết quả kinh doanh của công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê năm 2015:

Biểu số 2.32: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		11.489.867.840	8.783.962.256
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		11.489.867.840	8.783.962.256
4. Giá vốn hàng bán	11		10.848.867.840	7.739.424.925
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		641.818.820	1.044.537.331
6. Doanh thu hoạt động TC	21		752.573	653.190
7. Chi phí tài chính	22			4.543.156
- Trong đó: chi phí lãi vay	23			4.543.156
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		454.372.840	316.926.083
9. Chi phí bán hàng	25		173.853.925	164.926.083
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		14.344.628	536.880.704
11. Thu nhập khác	31		131.196.524	
12. Chi phí khác	32			433.402.960
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		131.196.524	(433.402.960)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		145.541.152	130.477.744
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		36.385.288	32.619.436
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		109.155.864	97.858.308

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 3 năm 2015
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Chương 3:

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM XÁC ĐỊNH CHÍNH XÁC KẾT QUẢ TỪNG HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH NGỌC KHUÊ

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê.

3.1.1. Kết quả đạt được :

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê. Bởi vì việc hạch toán này phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phân hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin giúp cho ban lãnh đạo có những quyết định vào kinh doanh tốt nhất và có chiến lược kịp thời đúng đắn.

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê là một doanh nghiệp lâu năm, trong quá trình phát triển ban lãnh đạo của công ty đã đi tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng để đa dạng sản phẩm. Để có những kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý khoa học và chặt chẽ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả sau:

3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán :

- Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị.

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung mà toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán doanh nghiệp.
Ưu điểm :

Là tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại, bộ máy kế toán ít nhân viên nhưng đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bộ phận kế toán của công ty có 4 người bao gồm một kế toán trưởng, kiêm kế toán tổng hợp, một thủ quỹ, một kế toán kho, một kế toán công nợ rất

phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (Trình độ từ ĐH trở lên) giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện kịp thời và chính xác.

- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên việc đối chiếu, kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng :

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, dùng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng kịp thời.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ.

- Về tổ chức hệ thống sổ kế toán :

- Công ty mở đầy đủ sổ sách theo hình thức Nhật kí chung (Sổ nhật kí chung, Sổ cái, Sổ chi tiết....)

- Công ty áp dụng theo hình thức kế toán nhật kí chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan.

• Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty :

+) Về hạch toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời đảm bảo chính xác với nguyên tắc ghi nhận doanh thu chi phí.

+) Về hạch toán chi phí: Các chi phí phát sinh như quản lý kinh doanh được hạch toán đầy đủ và kịp thời

+) Về hạch toán xác định kết quả kinh doanh: Cuối năm , công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê.

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán bán hàng tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

Thứ nhất, về hệ thống sổ sách hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán: Hiện tại, về việc hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán, kế toán chỉ sử dụng 2 sổ cái TK 511 và sổ cái TK632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho các tài khoản này.

Do đó việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và chưa phản ánh được doanh thu và giá vốn của từng loại mặt hàng. Điều này sẽ làm cho Ban quản lý dễ bị nhầm lẫn, từ đó Ban giám đốc sẽ không đưa ra được nhiều định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các mặt hàng do Công ty cung cấp, nhằm tối đa hoá lợi nhuận..

Thứ hai, về việc churaphân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.

Thứ ba, về việc chưa xây dựng chính sách về chiết khấu thanh toán cho khách hàng trả nợ trước thời hạn.

Thứ tư, về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán: Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở Công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả...chính vì thế mà Báo cáo tài chính của công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

3.3. Một số giải pháp nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê.

3.3.1. Giải pháp 1: Tiến hành mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.

Hiện tại, công ty đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực là bán buôn và bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Vì vậy, công ty cũng nên mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng và sổ chi tiết hàng bán theo từng lĩnh vực.

Tác dụng của việc mở các sổ chi tiết cho các tài khoản 511 và 632:

+ Giúp phân biệt được từng loại doanh thu cũng như giá vốn, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nào có hiệu quả, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào và nên giảm doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào. Từ đó các nhà

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

lãnh đạo sẽ mở rộng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình cung cấp hàng hoá, dịch vụ nhằm thu được hiệu quả kinh tế cao nhất.

+ Giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ cho từng loại sản phẩm hàng hóa.

Dưới đây là hai mẫu sổ chi tiết gồm Sổ chi tiết doanh thu và Sổ chi tiết GVHB dùng cho hoạt động bán máy vi tính xách tay:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết doanh thu

CÔNG TY TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Cao Nhân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S17 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tên sản phẩm (hàng hóa dịch vụ): Máy tính xách tay
Năm 2015
Quyển số:

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu bán hàng			Ghi chú
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	
			
12/12	PT21	12/12	Xuất bán máy tính Dell INS 5548	111	1	15.000.000	15.000.000	
15/12	HĐ448	15/12	Xuất bán máy tính	131	2	9.846.000	19.692.000	
			
			Cộng số phát sinh: Doanh thu thuần: 1.692.579.000 Giá vốn hàng bán: 1.578.642.892 Lợi nhuận gộp: 113.936.108					

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.2: Sổ chi tiết giá vốn

CÔNG TY TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Cao Nhân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên sản phẩm (hàng hóa dịch vụ): Máy tính xách tay

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn hàng bán			Ghi chú
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	
			
12/12	PXK446	12/12	Xuất kho máy tính Dell INS 5548	156	1	13.059.470	13.059.470	
			
			Cộng số phát sinh: Doanh thu thuần: 1.692.579.000 Giá vốn hàng bán: 1.578.642.892 Lợi nhuận gộp: 113.936.108					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

3.3.2. Giải pháp 2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.

Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi tiết giá vốn hàng bán mở chi tiết cho từng loại mặt hàng, ta xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Để xác định chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng mặt hàng, ta lấy lợi nhuận gộp trừ đi chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng. Ta có thể phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần với công thức sau:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho mặt hàng X} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng X}$$

Ví dụ 3.1: Phân bổ chi phí máy tính Dell INS 5548

- Doanh thu thuần máy tính Dell INS 5548: 302.592.000
- Giá vốn hàng bán máy tính Dell INS 5548: 292.056.248
- Chi phí quản lý kinh doanh của tất cả các mặt hàng: 628.226.765

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{kinh doanh phân} \\ \text{bổ cho máy tính} \\ \text{Dell INS 5548} \end{array} = \frac{628.226.765}{11.489.867.840} \times 302.592.000 = 16.544.698$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.3: Bảng chi tiết kết quả kinh doanh của từng mặt hàng trong doanh nghiệp

CÔNG TY TNHH Máy tính Ngọc Khuê
Cao Nhân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

BẢNG CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TỪNG MẶT HÀNG **Năm 2015**

STT	Tên hàng hóa	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng	Kết quả kinh doanh	Ghi chú
...
	Máy tính Dell INS 5548	302.592.000	292.056.248	10.535.752	16.544.698	(6.008.945)	
...
	Tổng cộng	11.489.867.840	10.848.049.020	641.818.820	628.226.765	13.592.055	

1.3.3. Giải pháp 3: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:

Trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay, việc tồn tại và phát triển là vấn đề sống còn của doanh nghiệp. Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần cạnh tranh với nhau nhằm thu hút khách hàng. Việc công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng.

Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán nhiều hơn nữa, bởi vì sử dụng chính sách này sẽ giúp cho khách hàng nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu.

+ Phương pháp xác định: Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng khối ngành tương đồng về quy mô.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả trước nợ và tỉ lệ lãi suất ngân hàng.

Khoản chiết khấu thanh toán có thể áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

+ Phương pháp hạch toán:

○ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK635 : Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131....

○ Cuối kì kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911

Nợ TK911 : Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay, em xin đề xuất các tỷ lệ chiết khấu thanh toán như sau:

+ Khách hàng thanh toán trước hạn từ 1 đến 15 ngày: 0,6%/tháng

+ Khách hàng thanh toán trước hạn từ 16 đến 30 ngày: 0,8%/tháng

+ Khách hàng thanh toán trước hạn trên 30 ngày 1%/tháng

Ví dụ minh họa: Ngày 16/06/2015, công ty 25 máy tính Toshiba cho công ty TNHH thương mại Minh Anh tổng số tiền là 180.738.250đ (bao gồm VAT 10%). Thời hạn thanh toán là 16/07/2015. Đến ngày 06/07/2015, khách hàng thanh toán hết tiền hàng bằng chuyển khoản.

Từ ví dụ trên, vậy công ty TNHH thương mại Minh Anh đã thanh toán sớm 10 ngày, nên được hưởng mức chiết khấu thanh toán là 0,6%.

➤ Số tiền chiết khấu= $0,6\% \times 180.738.250 = 1.084.430đ$.

Kế toán định khoản như sau:

Chiết khấu thanh toán áp dụng cho khách hàng:

Nợ 635: 1.084.430

Có 112: 1.084.430

Kết chuyển:

Nợ 911: 1.084.430

Có 635: 1.084.430

1.3.4. Giải pháp 4: Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.

Trong nền kinh tế thị trường càng ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng phát triển khiến nhu cầu nhận và xử lý thông tin cũng trở nên khó khăn, phức tạp nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức.

Phần mềm kế toán cung cấp nhanh chóng bất cứ thông tin nào về số liệu và báo cáo kế toán, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí tăng cường tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự, làm gia tăng giá trị thương hiệu đối với các khách hàng và nhà đầu tư.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như : MISA SME.NET2012, FAST,DMA,ASOFT,METADATA, G9,...

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán như sau :

- Được tiêu chuẩn nhiều lần: phần mềm kế toán được xây dựng dựa trên khối thống nhất với các chế độ kế toán hiện hành.
- Hiệu quả vượt trội, tính năng cao: phần mềm giúp tiết kiệm được rất nhiều thời gian và nhân lực so với kế toán thủ công. Phần mềm cho phép thực hiện tự động các bút toán, phân bổ kết chuyển cuối kì dựa trên các thông tin khai báo, cũng có thể dễ dàng sửa chữa khi có sai sót.
- Đơn giản, đầy đủ, dễ sử dụng: Phần mềm đơn giản, dễ sử dụng những có sự chuyên môn hóa cao. Giao diện làm việc đơn giản nhưng đầy đủ các yếu tố, thân thiện với người sử dụng. Phần mềm kế toán giúp người sử dụng xem từ chi tiết đến tổng hợp và ngược lại, giúp người dùng lập báo cáo tài chính ở bất cứ thời điểm nào.
- Bảo mật, an toàn dữ liệu tuyệt đối: Phần mềm kế toán có tính bảo mật rất cao, giúp bảo vệ dữ liệu cho người sử dụng.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong doanh nghiệp và quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp. Qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà người quản lý có thể xác định được doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hay không. Để từ đó có thể đưa ra các chiến lược phù hợp giúp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Đồng thời việc hạch toán này còn giúp cho các nhà đầu tư tìm hiểu về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp và quyết định có nên đầu tư tại doanh nghiệp không.

Sau 2 tháng thực tập tại công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê, giúp em nêu được các vấn đề nhận thức về kế toán doanh thu, kế toán chi phí quản lý và xác định kết quả kinh doanh của và phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty. Và đưa ra được những ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do thời gian thực tập có hạn, nhận thức về bản thân còn hạn chế nên khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, ý kiến đóng góp từ phía thầy cô, nhà trường, ban giám đốc và phòng kế toán tại công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn thầy giáo- Thạc sĩ Phạm Văn Tường, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và các anh (chị) trong phòng kế toán tại công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

1. Bộ Tài chính (2001), *Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam.*
2. Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê (2015), *Sổ sách kế toán Công ty.*
3. Bộ Tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền I Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.